

## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân.
- Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ sản xuất, nền nhà xưởng.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh SBa2 phía Bắc dự án.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Toàn bộ nước thải (từ 02 nguồn) sau xử lý được thải ra kênh SBa2 tại xã Hải Chính, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định qua 01 cửa xả phía Bắc dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2224719; Y(m) = 582537 (hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30'; múi chiều 3<sup>0</sup>).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của dự án được thu gom, dẫn chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra kênh SBa2 phía Bắc dự án theo phương pháp tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản với giá trị tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức  $C_{max} = C \times K_q \times K_f$  (Áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,2$ ; đối với thông số pH, tổng Coliforms thì  $C_{max} = C$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm theo QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B)	
			Giá trị C	Giá trị C <sub>max</sub>
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50	54
3	COD	mg/l	150	162

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	108
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	20	21,6
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	60	64,8
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	30	32,4
8	Tổng dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	21,6
9	Clo dư	mg/l	2,0	2,16
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100 ml	5.000	5.000

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

Ghi chú:

- C<sub>max</sub> là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến thủy sản khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- C là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó cùng với nước thoát sàn theo đường cống bê tông D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ sản xuất, nền nhà xưởng được thu gom theo đường cống bê tông D300 chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B) theo đường cống bê tông D300 chảy ra kênh SBa2 phía Bắc dự án.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ: Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 10 m<sup>3</sup> tại khu vực nhà điều hành của dự án.

- Công trình xử lý nước thải: Chủ dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm với quy trình xử lý như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể yếm khí → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B)) → Kênh SBa2 phía Bắc dự án.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải được nêu trong báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án)

- Công suất thiết kế: 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Hóa chất sử dụng: Cloramin B với khối lượng 15,6 kg/tháng.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải, được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải để phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố: Chủ dự án đóng van xả nước thải ra kênh Sba2 và dừng ngay hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Cử cán bộ kiểm tra xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố đảm bảo hệ thống bể xử lý nước thải đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B) mới tiếp tục xả nước thải vào kênh Sba2.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/11/2025.

### 2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, trước khi chảy ra kênh Sba2 phía Bắc dự án.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Thực hiện theo nội dung cấp phép tại phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu đầu vào tại bể thu gom và ít nhất 03 mẫu đầu ra tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, trước khi chảy ra kênh Sba2 phía Bắc dự án trong 03 ngày liên tiếp (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2 phần A Phụ lục này trước khi chảy ra kênh SBa2. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

#### **3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết. Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột A) trước khi thải ra môi trường khi cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra ảnh hưởng tới kênh SBa2, Chủ đầu tư phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời xử lý./.